TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 715/2019/DS-PT
Ngày: 14/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Liên;

Ông Đỗ Giang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hồ Văn Cảm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/7/2019, ngày 31/7/2019 và ngày 14/8/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 281/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2019/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2903/2019/QĐPT-DS ngày 27/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5403/2019/QĐ-PT ngày 17/7/2019 và số 5804/2019/QĐ-PT ngày 31/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Lan H –** sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 06 N, Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Châu Thị Thúy D – sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 041946 quyển số 11 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 10/11/2018 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Ngụ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phan Mạnh T, Chi nhánh Văn phòng Luật sư Minh Thiên tại Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* **Văn phòng Luật sư VL**

Địa chỉ trụ sở: Số 58C V, Thới Bình, I, C

Địa chỉ chi nhánh: Số 90 D, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Trường H** – sinh năm 1961, Trưởng Chi nhánh **Văn phòng Luật sư VL** tại TP.HCM (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thanh D1** – sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 26A U, Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị D2** – sinh năm 1955 (có mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 010574 quyển số 03 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 31/3/2018 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Ngụ.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà **Phạm Thị Lan H** (Đơn kháng cáo đề ngày 23/4/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H có ông Bùi Văn K đại diện trình bày:***

Năm 2009, bà H có nhu cầu mua nhà để ở. Qua tìm hiểu bà được biết bà Nguyễn Thị Qúy sẽ được mua hóa giá căn nhà 29/5 Hoàng Diệu, Phường 10, quận Phú Nhuận. Bà H có thỏa thuận với bà Qúy sau khi bà Qúy hoàn tất thủ tục đứng tên nhà thì bà H sẽ mua lại căn nhà này. Nhưng do vướng giấy tờ nên bà H chưa thể mua nhà được. Vì vậy, bà H có tới liên hệ với Văn phòng Luật sư VL nhờ làm dịch vụ để nhanh chóng thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về căn nhà này. Sau khi bàn bạc với ông Thành là Trưởng văn phòng, bà H đã ứng trước tiền để văn phòng có chi phí nghiên cứu, đi lại mà chưa ký hợp đồng dịch vụ. Quá trình ứng tiền thành 03 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Sau đó, hai bên đã không ký hợp đồng dịch vụ và ông Thành, đại diện Văn phòng Luật sư VL có hứa sẽ trả lại cho bà số tiền đã nhận.

Bà H khẳng định Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 ngày 06/10/2008 bà không ký thay cho bà Lê Thanh D1. Bà H có quen biết với bà Dung nhưng bà H và bà Dung không có quan hệ hợp tác làm ăn gì liên quan đến căn nhà 29/5 Hoàng Diệu, Phường 10, quận Phú Nhuận. Người ký tên trên hợp đồng lại không có bất cứ một sự ủy quyền nào từ người đứng tên trên hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng dịch vụ pháp lý mà phía bị đơn cung cấp cho Tòa là vô hiệu.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Văn phòng Luật sư VL hoàn trả lại cho bà H số tiền 300.000.000 đồng (không yêu cầu tiền lãi) trong vòng 03 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**** Bị đơn Văn phòng Luật sư VL có ông Nguyễn Trường H là trưởng văn phòng trình bày:***

Văn phòng Luật sư VL có ký hợp đồng dịch vụ với bà Phạm Thị Lan H về việc yêu cầu thi hành Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về căn nhà

số 29/5 Hoàng Diệu, Phường 10, quận Phú Nhuận. Sau khi xem xét các giấy tờ liên quan đến dịch vụ này phía Văn phòng nhận thấy bà Lê Thanh D1 mới được ủy quyền để đại diện cho bà Quý khiếu nại đối với căn nhà này nên về mặt thủ tục giấy tờ thì bà D1 đứng tên trên hợp đồng mới phù hợp với quá trình Văn phòng làm dịch vụ. Văn phòng có liên hệ với bà D1 qua điện thoại, bà D1 đã đồng ý. Do đó bà D1 là người đứng tên để thuê dịch vụ nhưng thực chất bà D1 chỉ đứng tên trên hợp đồng còn mọi giao dịch do bà H thực hiện, các văn bản, giấy tờ do bà H cung cấp cho Văn phòng để thực hiện công việc theo như nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ bà H là người trực tiếp giao tiền. Việc giao tiền phù hợp với quá trình thực hiện dịch vụ, lần thứ nhất biên nhận đầu tiên ký vào năm 2008 là đặt cọc. Ngày 10/4/2009 có biên nhận 100.000.000 đồng sau khi nhận được 02 văn bản số 3652 ngày 06/01/2009 của ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và văn bản số 1974/VP – ĐTMT ngày 27/03/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; hơn một năm sau nhận tiền tạm ứng lần thứ ba là 100.000.000 đồng. Tại biên nhận có ghi rõ là theo hợp đồng dịch vụ pháp lý. Toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng này do ông nhận với tư cách là đại diện của Văn phòng VL. Hai bên thỏa thuận tạm ứng tiền theo từng giai đoạn cho đến khi hoàn thành công việc.

Hợp đồng thỏa thuận chi phí là 500.000.000 đồng, phương thức thanh toán là bị đơn nhận tạm ứng trước 300.000.000 đồng. Sau khi bị đơn thực hiện xong đã thông báo bằng văn bản cho bà H biết. Bà H có ký nhận thay cho bà D1. Như vậy hiện nay bà D1 còn thiếu bị đơn số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không có yêu cầu bà D1 trả số tiền trên. Nay bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thanh D1 trình bày:***

Bà khẳng định không biết gì về nội dung vụ kiện và không có liên quan gì đến vụ án này. Bà không có bất cứ yêu cầu hay đề nghị nào bằng lời nói hoặc bằng văn bản cho bà H được quyền đại diện bà tới làm việc hay ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý nào đối với Văn phòng Luật sư VL. Bà không biết gì về hợp đồng dịch vụ pháp lý mà phía bị đơn cung cấp cho Tòa án nên không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại bản án số 113/2019/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 121, Điều 124 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009;

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H về việc yêu cầu Văn phòng Luật sư VL có trách nhiệm trả số tiền là 300.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Lan H phải chịu án phí 15.000.000 đồng, số tiền này được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005043 ngày 11/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ bà Phạm Thị Lan H còn phải nộp thêm số tiền là 7.500.000 đồng.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 24/4/2019, nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H nộp đơn kháng cáo đề ngày 23/4/2019, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn là người kháng cáo bà Phạm Thị Lan H có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Phan Mạnh T trình bày: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 300.000.000 đồng cho nguyên đơn và tuyên bố Hợp đồng dịch vụ số 07/HĐDV ngày 06/10/2008 vô hiệu.

- Bị đơn Văn phòng Luật sư VL do người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Trường H, Trưởng Chi nhánh Văn phòng Luật sư VL tại TP.HCM trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà H vì bị đơn đã hoàn thành công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDV ngày ngày 06/10/2008, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, y án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D2 do người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thanh D1 trình bày: Bà Nguyễn Thị D2 không biết gì về nội dung vụ kiện và không có liên quan gì đến vụ án này. Bà không có bất cứ yêu cầu hay đề nghị nào bằng lời nói hoặc bằng văn bản cho bà H được quyền đại diện bà tới làm việc hay ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý nào đối với Văn phòng Luật sư VL. Mặc dù bà không có yêu cầu độc lập tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDV ngày 04/10/2008 vô hiệu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H có người đại diện theo ủy quyền là bà Châu Thị Thúy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 31/7/2019, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Châu Thị Thúy Dàng.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Văn phòng Luật sư VL phải trả số tiền là 300.000.000 đồng và tuyên bố Hợp đồng số 07/HĐDV ngày 07/10/2008 vô hiệu:

[3.1.1] Theo nội dung đơn khởi kiện *(BL 36)*, bà H và Văn phòng Luật sư VL chỉ thỏa thuận miệng về việc thực hiện Quyết định số 4457/QĐ-UBND ngày 04/10/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng tuy Văn phòng Luật sư VL có thực hiện các công việc theo thỏa thuận miệng nhưng chưa kết thúc, vì kết thúc phải bằng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền.

[3.1.2] Phía bị đơn Văn phòng Luật sư VL khẳng định giữa Văn phòng Luật sư VL và nguyên đơn không có thỏa thuận miệng. Việc Văn phòng Luật sư VL thực hiện công việc theo yêu cầu của nguyên đơn liên quan đến Quyết định số 4457/QĐ - UB ngày 04/10/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *(BL 63)* là theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDV ngày 07/10/2008 *(BL 60-61)* giữa một bên là bà Lê Thanh D1 và một bên là Văn phòng Luật sư VL (do bà Phạm Thị Lan H ký thay bà Lê Thanh D1). Văn phòng Luật sư VL đã thực hiện xong công việc của mình theo thỏa thuận (cụ thể Văn phòng Luật sư VL đã gửi tổng cộng 12 văn bản cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhận lại 08 văn bản trả lời) và không có thỏa thuận nào là Văn phòng Luật sư VL phải tiến hành thủ tục khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền.

[3.1.3] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và Văn phòng Luật sư VL tồn tại 01 giao dịch dân sự, cụ thể là thực hiện dịch vụ pháp lý. Giao dịch này trên thực tế được thực hiện bằng hai hợp đồng: Một là Hợp đồng bằng văn bản số 07/HĐDV ngày 07/10/2008 giữa Văn phòng Luật sư VL và bà Lê Thanh D1 với nội dung tư vấn và trực tiếp kiến nghị thi hành Quyết định số 4457/QĐUB ngày 04/10/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hai là hợp đồng bằng miệng giữa Luật sư Nguyễn Trường H và bà H với nội dung cụ thể là tư vấn và trực tiếp kiến nghị thi hành Quyết định số 4457/QĐ-UBND ngày 4/10/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả tiền trưng mua căn nhà số 29/5 Hoàng Diệu, phường 10, quận Phú Nhuận. Tuy nhiên, Văn phòng Luật sư VL không thừa nhận có thỏa thuận miệng với nguyên đơn và nguyên đơn cũng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh các công việc mà Văn phòng Luật sư VL phải làm là theo thỏa thuận miệng nên việc nguyên đơn yêu cầu Văn phòng

Luật sư VL trả lại số tiền 300.000.000 đồng vì chưa hoàn thành công việc là không có căn cứ.

[3.1.4] Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 134 về "Giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức" và khoản 1 Điều 410 về "Hợp đồng dân sự vô hiệu" Bộ luật dân sự 2005 để tuyên hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDV ngày 07/10/2008 giữa Văn phòng Luật sư VL và bà Lê Thanh D1 là vô hiệu vì vi phạm hình thức. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu Văn phòng Luật sư VL trả lại số tiền là 300.000.000 đồng chứ không yêu cầu tuyên bố Hợp đồng số 07/HĐDV ngày 07/10/2008 vô hiệu, do vậy đã vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của bà Lê Thanh D1 về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng số 07/HĐDV ngày 04/10/2008 vô hiệu: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của của bà Lê Thanh D1 xác nhận không đặt ra yêu cầu độc lập cũng như đóng tạm ứng án phí trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu này không được chấp nhận.

[3.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 113/2019/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

[3.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 293; Điều 296; Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H trong hạn luật định được chấp nhận.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 113/2019/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H về việc yêu cầu Văn phòng Luật sư VL có trách nhiệm trả số tiền là 300.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Lan H phải chịu án phí 15.000.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005043 ngày 11/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ bà Phạm Thị Lan H còn phải nộp thêm số tiền là 7.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Lan H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0038300 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Hiền